

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT



GIÁO TRÌNH

**LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ
KỶ X ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX**

TRẦN VĂN BẢO

2002

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	3
CHƯƠNG MỘT: TỪ CHÍNH QUYỀN HỌ KHÚC TỚI TRIỀU TIỀN LÊ.....	4
I. Bảo vệ và củng cố chính quyền tự chủ từ họ Khúc đến triều Ngô.....	4
II. Quá trình xây dựng quốc gia thống nhất của các triều Đinh và Tiền Lê.	10
1. Triều Ngô và cục diện 12 sứ quân.....	10
2. Triều Đinh.....	11
3. Triều Tiền Lê.....	12
CHƯƠNG II: THỜI KỲ CƯỜNG THỊNH CỦA NƯỚC ĐẠI VIỆT.....	19
I. Triều Lý:.....	19
1. Tình hình chính trị – xã hội.....	19
2. Cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077).....	20
3. Sự suy vong của triều Lý.....	27
II. Triều Trần.....	28
1. Tình hình chính trị - xã hội.....	28
2. Các cuộc kháng chiến chống Nguyên - Mông dưới triều Trần.....	29
3. Sự suy vong và sụp đổ của triều Trần.....	47
III. Triều Hồ.....	48
1. Chính sách cải cách của Hồ Quý Ly.....	48
2. Cuộc xâm lược của nhà Minh và sự thất bại của triều Hồ.....	49
3. Phong trào kháng chiến chống quân Minh từ 1407 đến 1417.....	52
4. Khởi nghĩa Lam Sơn.....	52
IV. Triều Lê (sơ) _ 1428-1527.....	60
V. Tóm lược nền văn hoá Đại Việt từ thế kỷ 11 đến thế kỷ 16.....	62
CHƯƠNG III: THỜI KỲ KHỦNG HOẢNG CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN ĐẠI VIỆT.....	65
I. Thời kỳ Lê – Mạc và nội chiến Nam – Bắc triều.....	65
II. Nội chiến Trịnh - Nguyễn và cục diện chia cắt Đàng Trong - Đàng Ngoài....	66
III. Công cuộc khai phá vùng đất đàng Trong.....	67
IV. Tình hình chính trị - xã hội.....	67
V. Tình hình Kinh tế – văn hóa.....	68
CHƯƠNG IV: TRIỀU TÂY SƠN VÀ TRIỀU NGUYỄN.....	72
I. Phong trào Tây Sơn và công cuộc thống nhất đất nước, bảo vệ độc lập dân tộc.....	72
II. Sự thành lập triều Tây Sơn và những cải cách của Quang Trung.....	77
III. Sự thành lập triều Nguyễn.....	79
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	82

CHƯƠNG MỘT: TỪ CHÍNH QUYỀN HỌ KHÚC TỚI TRIỀU TIỀN LÊ

I. Bảo vệ và củng cố chính quyền tự chủ từ họ Khúc đến triều Ngô

vào đầu thế kỷ 10, triều Đường chỉ còn hư danh, quyền hành thực tế đã lọt vào tay tập đoàn phong kiến Chu Ôn. Trung quốc một lần nữa bước vào thời kỳ khủng hoảng, chia cắt mà lịch sử gọi là thời Ngũ Đại Thập Quốc (905 - 960).

Nhân cơ hội chính quyền cai trị ở Giao Châu khủng hoảng do biến loạn ở Trung Quốc, một thủ lĩnh người Việt ở đất Hồng Châu (Hải Dương) là Khúc Thừa Dụ đã đánh chiếm phủ thành Đại La, lên nắm chính quyền. Mặc dù về danh nghĩa, họ Khúc vẫn mang chức và tước hiệu của nhà Lương (Tĩnh hải quân Tiết độ sứ, tước Đồng bình chương sự, quyền tri lưu hậu) nhưng thực chất, chính quyền Giao Châu đã có xu hướng tự trị. Trong thời kỳ cầm quyền, Họ Khúc (nhất là Khúc Hạo) đã có nhiều cải cách quan trọng mang tính chất thân dân.

Khúc Hạo chia cả nước thành cơ cấu hành chính mới: Lộ-phủ-châu-giáp-xã. Về đường lối chính trị ông chủ trương “ chính sự cốt khoan dung giản dị, nhân dân đều được yên vui”. Khúc Hạo ra sắc lệnh “ bình quân thuế ruộng, tha bỏ lực dịch, lập sổ hộ khẩu, kê rõ quê quán, giao cho giáp trưởng trông coi”. Chính quyền họ Khúc đã quản lý được một lãnh thổ khá lớn trên miền đất nước ta. Theo thư tịch, thời họ Khúc đã thành lập 314 giáp (so với 159 Hương cuối thời Đường).

- *Thế thứ họ Khúc (905 - 930)*

1. *Khúc Thừa Dụ (905 - 907), không rõ năm sinh, nguyên quán :Hồng Châu (nay là vùng Cúc Bồ, Ninh Giang, Hải Dương), mất ngày 23 tháng 7 năm 907.*

2. *Khúc Hạo (907 - 917), con của Khúc Thừa Dụ, mất vào năm 917.*

3. *Khúc Thừa Mỹ (917 - 923), con của Khúc Hạo, không rõ năm sinh năm mất.*

Trong thời gian đầu thế kỷ 10, miền đất nước ta hai lần phải chống lại âm mưu xâm lược của tiểu triều đình Nam Hán, do Tiết độ sứ Lưu ẩn cát cứ ở vùng Quảng Đông (Trung Quốc) tiến hành.

Năm 930, Quân Nam Hán do Lý Thủ Dung và Lương Khắc Chính đánh bại Khúc Thừa Mỹ, chiếm đóng nước ta lần thứ nhất.

- *Kháng chiến chống xâm lược Nam Hán lần thứ nhất (930 - 931). Dương Đình Nghệ khôi phục quyền tự chủ (931 - 937).*

Nam Hán là một tiểu triều đình Trung Quốc cát cứ ở Quảng Châu. Trước khi lập quốc, họ Lưu đã đánh bại được các trại ở Giang Đông, giết bọn Xương Lỗ; đổi đặt thữ sử mới, đem quân đánh bại họ Lư, chiếm được Triều Châu, Thiều Châu, về phía Tây, họ Lưu chiếm được Ung Quản (Nam Ninh) tranh đất Dung, Quế với Sở vương Mã An. Nhờ khai thác được nhiều ngọc trai và phát triển buôn bán với miền nội địa Trung Quốc, lại giao hảo với Nam Chiếu ở Vân Nam, họ Lưu tích lũy được nhiều của cải. Nam Hán trở nên cường thịnh và có xu thế bành trướng. Phía Bắc, năm 928, họ Lưu đã đánh bại được cuộc tấn công của nước Sở (miền Hồ Nam), bảo vệ được an toàn biên giới phía Bắc. Cuối năm 930, Nam Hán phát quân xâm lược phương Nam. Cầm đầu đội quân xâm lược (không rõ số lượng) là hai viên tướng Lý Thủ Dung và Lương Khắc Chính, hẳn là theo hai đường thủy bộ, từ hướng Đông Bắc tiến vào nước ta....

Từ sau khi sang sứ ở Quảng Châu về thay cha trị nước, Khúc Thừa Mỹ đã thấy thế lực họ Lưu là mạnh mẽ, có thể uy hiếp nước ta. Khúc Thừa Mỹ chưa đủ tự tin vào sức mạnh dân tộc, đã sai sứ sang nạp cống cho triều đình Hậu Lương “xin lĩnh tiết việt”, định nhờ cậy triều đình Trường An để chế ngự triều đình Nam Hán mà ông vẫn gọi là “Ngụy Đình”.

Qua 25 năm khôi phục quyền tự chủ, họ Khúc vẫn chưa có điều kiện đưa nước ta, từ một miền đất xơ xác do nạn Bắc thuộc kéo dài trở thành quốc gia độc lập giàu mạnh. Quyền kiểm soát chính trị và huy động lực lượng quân sự trong cả nước của Khúc Thừa Mỹ còn nhiều hạn chế do uy tín và tài năng của ông không đủ cao và uy thế của các hào trưởng địa phương còn lớn. Đối đầu với một lực lượng quân sự lớn mạnh cả về thủy và bộ của Nam Hán, tháng 10 năm 930, đội quân mới họp của Khúc Thừa Mỹ bị tan vỡ. Khúc thừa Mỹ bị bắt sống đem về Quảng Châu. Phủ thành Đại La bị địch chiếm. Thất bại của họ Khúc lần này không hề dẫn đến đến sự sụp đổ của lực lượng kháng chiến dân tộc.

Cuộc chiến tranh của Nam Hán, tuy rõ ràng mang tính chất xâm lược, nhưng hiệu quả thì nặng về cướp bóc hơn là chinh phục. Nam Hán mới chỉ giành thắng lợi bước đầu. Nam Hán tuy có cử được Lý Tiến sang làm thữ sử Giao Châu, cùng Lương Khắc Chính giữ thành Đại La, song chính quyền địch chỉ chiếm được Đại La và kiểm soát được phần nào miền đồng bằng Sông Hồng chứ không còn thiết lập nổi một chính quyền đô hộ bao trùm cả nước ta như thời thuộc Đường được nữa. Từ đèo Ba Dội (Tam Điệp) trở vào Nam, tại các châu Ai (Thanh Hóa) châu Hoan (Nghệ Tĩnh) các hào trưởng địa phương và tướng tá cũ của họ Khúc vẫn giữ được quyền kiểm soát đất đai và nhân dân. Ở lò võ làng Ràng (Dương xá, Thiệu Hoá, Thanh Hoá), đã hình thành một trung tâm kháng chiến khá mạnh, đứng đầu là hào trưởng Dương Đình Nghệ, một tướng cũ của họ Khúc. Ông công khai nuôi 3 000 “con nuôi” nghĩa tử trong nhà, ngày đêm luyện tập, chuẩn bị tiến ra Giao Châu tiêu diệt quân xâm lược. Dinh cơ họ

Dương trở thành nơi tụ nghĩa của hào kiệt khắp nơi trong nước ta. Ngô Quyền từ Phong Châu (Sơn Tây cũ), Đinh Công Trứ từ Trường Châu (Ninh Bình cũ) ... đều đưa gia thuộc về làng Ràng tụ nghĩa. Dương Đình Nghệ cử Đinh Công Trứ trấn trị Hoan Châu, giữ Ngô Quyền làm gia tướng dưới trướng doanh, gả con gái cho Ông và sai chỉ huy quân đội chủ lực, trấn giữ Ái Châu.

Việc sửa soạn kháng chiến của Dương Đình Nghệ ở xứ Thanh, Nam Hán biết nhưng không dám làm gì.

Thực ra cái chính quyền đô hộ mà Nam Hán vội vã dựng lại ở Đại La cũng chỉ tồn tại trên danh nghĩa. Chúa Nam Hán, từ Quảng Châu cũng phải nói với tả hữu rằng : “dân Giao Châu chỉ có thể ràng buộc mà thôi”. Để lấy lòng Dương Đình Nghệ, chúa Nam Hán còn phải “trao tước mệnh” cho Ông coi giữ Ái Châu.

Sau một thời gian chuẩn bị lực lượng, tháng 3 năm 931 – không đầy nửa năm sau cuộc xâm lược của Nam Hán – từ Ái Châu Dương Đình Nghệ đã cử binh tiến ra Giao Châu, bao vây và tiến công thành Đại La, dinh lũy của giặc Nam Hán. Từ bên kia biên giới, Nam Hán vội vã sai thừa chỉ Trình Bảo đem quân sang Giao Châu cứu viện. Viện quân của địch chưa đến nơi, thì thành Đại La đã bị quân ta triệt hạ, tướng Lương Khắc Trinh bị giết chết, chỉ có thứ sử Lý Tiến cùng đám tàn quân thoát vây tìm đường trốn về nước. Quân cứu viện của địch vừa đến, định tổ chức bao vây quân ta ở Đại La, nhưng Dương Đình Nghệ không bó mình giữ thành cố thủ, đã chủ động đem quân ra ngoài thành tiến công các dinh trại đã ngoại của địch. Quân địch rối loạn, tan vỡ, tướng Trình Bảo bị giết chết, đội quân cứu viện của địch cũng bị ta tiêu diệt.

Cuộc kháng chiến kết thúc với thất bại thảm hại của quân Nam Hán. Đất nước ta lại giành được quyền tự chủ. Ngọn cờ tự chủ chuyển từ tay họ Khúc sang tay họ Dương. Dương Đình Nghệ xứng danh là một anh hùng dân tộc. Ông cũng chỉ xứng là tiết độ sứ như họ Khúc. Đinh Công Trứ được cử làm thứ sử Hoan Châu, Ngô Quyền được cử trông coi Ái Châu.

Năm 937, tháng 4, Dương Đình Nghệ bị Kiều Công Tiễn, một viên tướng dưới quyền và là hào trưởng châu Phong, giết chết để đoạt chức tiết độ sứ. Vẫn là như vậy, những thế lực hào trưởng, địa phương chủ nghĩa, đã đóng một vai trò tích cực trong công cuộc giữ đất, giữ dân, đuổi đánh bọn đô hộ, nhưng khi đất nước vừa sạch bóng quân thù thì họ lại lao vào các cuộc đấu tranh giành quyền lực, phá hoại công cuộc thống nhất quốc gia, gây nguy hại cho nền độc lập tự chủ vừa mới giành được. Giặc Nam Hán đang còn ngấp nghé ngoài bờ cõi, chưa chịu từ bỏ ý đồ xâm lược, bành trướng. Đất nước này vẫn còn đang trong buổi trăn trở chuyển mình ...

- Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nam Hán lần thứ hai - Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng (năm 938).

Hành động phản trắc của Kiều Công Tiễn, giết người chủ tướng có công đánh đuổi quân Nam Hán đã gây ra sự phẫn nộ trong các tầng lớp nhân dân. Từ Ái Châu, Ngô Quyền, là tướng và là con rể Dương Đình Nghệ, sửa soạn tiến quân ra bắc trừ tên phản bội. Kẻ phản chủ nhanh chóng trở thành tên phản quốc. Trước sự căm ghét và phản kháng của nhân dân trong nước, Kiều Công Tiễn đã đề hèn cho người sang cầu cứu vua Nam Hán. Đây là dịp tốt để Nam Hán thực hiện âm mưu xâm lược nước ta một lần nữa.

Lợi dụng thời cơ đó, Nam Hán lại phát động cuộc chiến tranh xâm lược nước ta lần thứ hai, lần này nguy hiểm hơn lần trước vì chúng hy vọng dùng được bọn phản bội Kiều Công Tiễn như một lực lượng nội ứng. Và cay cú hơn, vì đã một lần thất bại, cũng do đó mà tham vọng càng lớn hơn, Nam Hán cố dồn hết sức xâm chiếm nước ta cho kỳ được.

Không nghe lời thuộc hạ, Chúa Nam Hán tự mình đề ra một kế hoạch nhằm thực hiện nhanh chóng cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Y cho con trai là Vạn vương Hoằng Thao làm Tĩnh hải quân tiết độ sứ, lại đổi phong làm Giao vương (Y muốn sau khi cướp được đất Giao Châu thì lấy châu đó cho Hoằng Thao làm phong ấp), sai thống lĩnh quân thủy vượt biển tiến sang xâm lược nước ta, ngoài mặt mượn tiếng là giúp Kiều Công Tiễn đánh Ngô Quyền. Chúa Nam Hán cũng tự mình làm tướng đem hậu quân đến đóng ở trấn Hải Môn (phía tây nam huyện Bắc Bạch, tỉnh Quảng Tây Trung Quốc), sát biên giới nước ta, làm kế thanh viện và kịp thời yểm trợ cho con khi cần thiết.

Trước hành động phản bội của Kiều Công Tiễn và hoạ xâm lăng của Nam Hán, Ngô Quyền đã lãnh đạo quân dân ta với nỗ lực cao nhất, kiên quyết đập tan mưu đồ xâm lược của Nam Hán, bảo vệ quyền tự chủ của dân tộc.

Tháng đầu đông, đội quân Ngô Quyền vượt đèo Ba Dội tiến ra bắc. Quân xâm lược còn đang ngấp nghé ngoài bờ cõi thì đầu tên phản bội Kiều Công Tiễn đã bị bêu ở ngoài cửa thành Đại La (Hà Nội). Mối hoạ bên trong nước đã được trừ khử. Kế sách trước trừ nội phản sau diệt ngoại xâm đã được thực hiện.

Ngô Quyền vào thành, họp các tướng tá, bàn rằng: “Hoằng Thao là một đứa trẻ dại, đem quân từ xa đến, quân lính mỗi mệt, lại nghe được tin Công Tiễn đã bị giết chết, không có người làm nội ứng, đã mất vía trước rồi. Quân ta sức còn mạnh, địch với quân mỗi mệt, tất phá được!

Song chúng có lợi ở thuyền, nếu ta không phòng bị trước thì chuyện được thua cũng chưa thể biết được!

Nếu ta sai người đem cọc lớn đóng ngầm ở cửa biển trước, vót nhọn đầu mà bịt sắt, thuyền của chúng nhân khi nước thủy triều lên tiến vào bên trong hàng cọc, bấy giờ ta sẽ dễ bề chế ngự. Không kể gì hay hơn kế ấy cả”.

Chủ tướng đều phục kế sách ấy là tuyệt vời. Qua lời bàn, ta thấy Ngô Quyền - có lẽ nhờ nhiều nguồn tình báo và kinh nghiệm chiến đấu - đã nắm vững và phán đoán đúng tình hình quân địch. Ông hiểu rõ đặc điểm tâm lý viên tướng chỉ huy quân Nam Hán tuy hung hăng nhưng ít tuổi, thiếu kinh nghiệm. Ông đánh giá đúng chỗ yếu, chỗ mạnh của địch. Từ hàng nghìn năm nay, Quảng Châu là trung tâm mậu dịch đối ngoại lớn nhất của Trung Quốc, Nam Hán có thuyền buôn biển, có hải quân mạnh, có giặc biển, không thể coi thường. Nhưng quân địch vượt biển từ Quảng Châu vào cửa Bạch Đằng, đang mùa gió heo may, tất sẽ mệt mỏi, sức chiến đấu bị giảm sút. Hãn Ngô Quyền đã cho người bắt tin cho Nam Hán biết việc Kiều Công Tiễn đã bị giết nhằm đánh một đòn tâm lý làm cho quân đội của chúng thêm hoang mang, dao động.

Phán đoán đúng con đường tiến quân của địch, Ngô Quyền – con người được nhà sử học Lê Văn Hưu ngợi ca là “mưu giỏi mà đánh cũng giỏi” – đã chủ trương bố trí một trận địa cọc ở cửa sông Bạch Đằng rồi nhân khi nước lên, dụ thuyền địch tiến vào bên trong hàng cọc và tập trung lực lượng tiêu diệt địch bằng một trận quyết chiến nhanh, gọn, triệt để.

Vùng cửa sông và vùng hạ lưu sông Bạch Đằng được Ngô Quyền chọn làm chiến trường quyết chiến.

Bạch Đằng ngày ấy cũng như ngày sau vẫn mang “tên nô” giản dị: Sông Rừng! Giữa vùng thiên nhiên sông biển đó, trên cơ sở sức mạnh đoàn kết và ý chí độc lập của cả dân tộc, Ngô Quyền khẩn trương dàn bày một thế trận mưu trí, lợi hại để chủ động phá giặc. Ông huy động quân dân vào rừng đẵn gỗ, vót nhọn, bịt sắt cho đóng xuống lòng sông thành hàng dài tạo thành một bãi cọc, một bãi chướng ngại dày đặc ở hai bên cửa sông. Khi triều lên mênh mông, thì cả bãi cọc ngập chìm, khi triều xuống thì hàng cọc nhô lên cản trở thuyền qua lại. Bãi cọc tăng thêm phần hiểm trở cho địa hình thiên nhiên. Quân thủy bộ, dưới sự chỉ huy trực tiếp của Ngô Quyền bố trí mai phục sẵn ở phía trong bãi cọc, có lẽ tại trung lưu sông Bạch Đằng, ở mặt nước và trên hai bờ sông.

Trong thế trận của Ngô Quyền, rõ ràng trận địa mai phục giữ vai trò quyết định. Trận địa cọc ở cửa sông là nhằm chặn đường tháo chạy của tàn quân giặc. Sự phối hợp giữa hai trận địa chứng tỏ quyết tâm chiến lược của Ngô Quyền là phen này không phải chỉ đánh bại quân giặc mà còn phải tiêu diệt toàn bộ quân giặc; giáng cho chúng những đòn sấm sét, làm tan nát mộng tưởng xâm lăng của triều đình Nam Hán.

Chiến trận Bạch Đằng diễn ra là một cuộc đọ sức quyết định giữa ta và địch. Địch quyết tâm cướp lại nước ta, tiếp tục kéo dài thời Bắc thuộc. Ta quyết tâm đánh một trận tiêu diệt triệt để, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Cuối năm 938, cuộc kháng chiến chống xâm lược Nam Hán lần thứ hai của quân dân ta đã giành được thắng lợi hết sức oanh liệt.

Cả một đoàn binh thuyền lớn của giặc vừa vượt biển tiến vào mạn sông Bạch Đằng đã bị dẫn dắt vào thế trận đã bày sẵn của ta và bị tiêu diệt gọn trong một thời gian rất ngắn. Toàn bộ chiến thuyền của giặc bị đánh đắm, hầu hết quân giặc bị tiêu diệt. Chủ soái của giặc là Lưu Hoàng Thao cũng bị giết tại trận.

Chiến thắng Bạch Đằng có những nét rất độc đáo và giữ một vị trí quan trọng trong lịch sử dân tộc.

Về diễn biến và hình thái của chiến tranh, toàn bộ cuộc kháng chiến được thực hiện bằng một trận quyết chiến chiến lược lớn và triệt để.

Mở đầu, là trận khiêu chiến – một bộ phận quân thủy, dùng thuyền nhẹ ra đón đánh địch từ xa, nhằm kiềm chế, tiêu hao và nghi binh dụ địch; khi nước triều lên to, ngập trận địa cọc, bộ phận này giả thua rút chạy, nhử địch vào trận địa đúng lúc, đúng chỗ, theo thế trận đã bày sẵn của Ngô Quyền. Hoàng Thao, tên tướng trẻ kiêu ngạo, đã sa kế mắc mưu, thúc đại quân đuổi gấp, vượt qua bãi cọc ngầm ngược sông Bạch Đằng, tiến sâu vào trong thế trận đã dàn sẵn của ta.

Tiếp theo, vào lúc nước triều xuống, là trận tiến công bất ngờ, mãnh liệt của quân thủy từ thượng lưu đánh xuống chặn đầu, kết hợp với quân thủy bộ mai phục hai bên bờ sông đánh tạt ngang vào đội hình quân giặc.

Kết thúc, là trận truy kích tiêu diệt tàn quân địch trên đường tháo chạy, bị chặn đứng lại trước bãi cọc đã nhô cao vào lúc nước triều xuống thấp nhất. Bị cọc nhọn, bị quân ta đánh, thuyền địch không sao thoát ra biển được. Toàn bộ đạo thủy quân xâm lược của Nam Hán đã vĩnh viễn bị nhấn chìm xuống dòng sông Bạch Đằng lịch sử!

Về thời gian, cả cuộc chiến đấu chỉ diễn ra lúc nước triều lên cho đến lúc nước triều xuống thấp nhất. Với chế độ nhật triều ở vùng này, thời gian đó chỉ nằm trong phạm vi một ngày. Thời gian chiến đấu ác liệt nhất là lúc nước triều xuống mạnh cho đến lúc nước rặc, nghĩa là chỉ nửa ngày. Cuộc kháng chiến chống Nam Hán lần thứ hai này là cuộc chiến tranh chống xâm lược tiêu biểu nhất cho lối đánh nhanh, thắng nhanh của dân tộc ta.

Về không gian, chiến trường của cuộc kháng chiến chỉ thu hẹp trong khu vực cửa sông và vùng trung lưu, hạ lưu sông Bạch Đằng. Quân giặc vừa xâm phạm vào lãnh thổ đất nước ta, chưa chiếm được đất đai, thậm chí chưa kịp gây tội ác đã bị quét sạch. Chiến thắng Bạch Đằng diễn ra nhanh, gọn, triệt để đến mức độ vua Nam Hán đang đóng quân ở sát biên giới mà không sao kịp tiếp ứng cho con. Từ đó, triều Nam Hán phải vĩnh viễn từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta.

Bằng chiến thắng Bạch Đằng vang dội, dân tộc ta đã thực sự đè bẹp được ý chí xâm lược của kẻ thù.

Sau chiến thắng, Ngô Quyền xưng Vương (lịch sử gọi là Tiền Ngô Vương), đóng đô ở Cổ Loa. Ngô Quyền đặt triều đình trăm quan văn võ, chế định triều nghi, phẩm phục.

Chiến thắng Bạch Đằng năm 938, đánh bại cuộc xâm lược lần thứ hai của Chúa Nam Hán, chính thức chấm dứt thời kỳ Bắc thuộc, mở ra trang mới của lịch sử dân tộc, khẳng định quyền độc lập, tự chủ của đất nước. Các chính quyền từ họ Khúc đến triều Ngô nối tiếp thành lập từ năm 905 đến năm 944 là những viên gạch đầu tiên xây dựng nền độc lập, tự chủ của nước ta.

II. Quá trình xây dựng quốc gia thống nhất của các triều Đinh và Tiền Lê.

1. Triều Ngô và cục diện 12 sứ quân

- Thế thứ chính quyền Ngô Vương (938 - 965)

1. *Tiền Ngô Vương (938 - 944); họ, tên : Ngô Quyền, sinh năm Mậu Thân (898) tại Phong Châu (nay thuộc Hà Tây). Cha là Ngô Mân, nguyên là hào trưởng vùng này.*

2. *Dương Bình Vương (945 - 950); họ, tên : Dương Tam Kha (con của Dương Đình Nghệ và là anh vợ của Ngô Quyền). Sinh và mất năm nào không rõ.*

3. *Hậu Ngô Vương (951 - 965); họ, tên : Ngô Xương Văn (con thứ của Tiền Ngô Vương; mẹ là Dương thái hậu, tức bà Dương Thị Như Ngọc). Sinh năm nào không rõ.*

Sau khi Ngô Quyền mất, tình hình nước ta trở nên phức tạp. Dương Tam Kha cướp ngôi Vương của Ngô Xương Ngập, nắm quyền trong 5 năm (945-949). Sau đó Ngô Xương Văn giành lại quyền bính, mời Ngô Xương Ngập cùng cai trị (Hậu Ngô Vương). Thời Hậu Ngô Vương, chính quyền Trung ương không đủ mạnh nên các thủ lĩnh địa phương có xu hướng cát cứ. Năm 965, Ngô Xương Văn chết trận, các thủ lĩnh địa phương chia nhau hùng cứ các vùng đất bản bộ, chống đánh lẫn nhau, lịch sử gọi là loạn 12 sứ quân.

- Sau đây là danh tính 12 sứ quân:

1. Ngô Xương Xí (con của Thiên Sách Vương Ngô Xương Ngập), chiếm giữ đất Bình Kiều, nay thuộc Khoái Châu, Hưng Yên.

2. Trần Lãm (xưng là Trần Minh Công), chiếm giữ đất Bố Hải khẩu (nay thuộc Tiền Hải, Thái Bình). Đinh bộ Lĩnh là thuộc tướng của Trần Lãm.

3. Nguyễn Thủ Tiệp (xưng là Nguyễn Lệnh Công), chiếm giữ vùng Tiên Sơn, Bắc Ninh.

4. Lý Khuê (xưng là Lý Lăng Công), chiếm giữ vùng Thuận Thành, Bắc Ninh.
5. Lã Đường (xưng là Lã Tá Công), chiếm giữ vùng Văn Giang, nay thuộc Bắc Ninh và Hưng Yên.
6. Phạm Bạch Hổ (xưng là Phạm Phòng Át), chiếm giữ vùng Đằng Châu, nay thuộc Hưng Yên.
7. Nguyễn Siêu (xưng là Nguyễn Hữu Công), chiếm giữ vùng Thanh Trì, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.
8. Nguyễn Khoan (xưng là Nguyễn Thái Bình), chiếm giữ đất Vĩnh Tường, nay thuộc Vĩnh Phúc.
9. Kiều Công Hãn (xưng là Kiều Tam Chế), chiếm giữ vùng Bạch Hạc, nay là Phú Thọ.
10. Kiều Thuận (xưng là Kiều Lệnh Công), chiếm giữ vùng Cẩm Khê, nay thuộc vùng giáp giới giữa Sơn Tây và Vĩnh Phú (cũ).
11. Đỗ Cảnh Thạc, chiếm giữ vùng Đỗ Động Giang, nay thuộc Thanh Oai, Hà Tây.
12. Ngô Nhật Khánh (xưng là Ngô Lãm Công), chiếm giữ vùng Đường Lâm, nay thuộc Hà Tây.

Nhìn chung lãnh thổ cát cứ của các sứ quân không lớn. Mỗi sứ quân thường chiếm cứ từ vài xã đến một, hai huyện. Địa bàn của các sứ quân hầu hết nằm ở trung khu đồng bằng Bắc bộ, nên ta có thể dự đoán ở các vùng miền núi hẻo lánh còn những thủ lĩnh khác hùng cứ mà thư tịch không nhắc tới. Điều này cũng có nghĩa là chính quyền trung ương thời Hậu Ngô Vương rất yếu ớt, chỉ quản lý được một phần nhỏ đất đai.

Trong cục diện nội chiến đó, lực lượng của Đinh Bộ Lĩnh đã khéo liên kết với một số sứ quân khác là Trần Lãm, Phạm Bạch Hổ. Trên cơ sở chiếm ưu thế quân sự, Đinh Bộ Lĩnh đã dẹp yên loạn các sứ quân (năm 967).

2. Triều Đinh

Đinh Bộ Lĩnh là con của Đinh Công Trứ, người làng Đại Hoàng, động Hoa Lư, Ninh Bình. Năm 938, Đinh Bộ Lĩnh tự lên ngôi Hoàng Đế, lập ra triều Đinh, đóng đô ở Hoa Lư. Đinh Tiên Hoàng chia nước làm 10 đạo, chủ trương dùng hủn hạp luoát hà khắc để cai trị. Năm 979, Đinh Tiên Hoàng và con trưởng là Đinh Liễn bị một viên quan hầu là Đỗ Thích ám sát. Đinh Toàn - lúc đó mới có 6 tuổi - lên nối ngôi. Quyền nhiếp chính trong tay Dương Thái Hậu.

- Thế thứ triều Đinh (968 - 980)

1. Đinh Tiên Hoàng (968 - 979) ; họ, tên : Đinh Bộ Lĩnh, sinh năm Giáp Thân (924), tại Hoan Châu, Nghệ An.

2. Đinh Phế Đế (980); họ, tên : Đinh Toàn, con thứ của Đinh Tiên Hoàng Đế, mẹ người họ Dương. Vua sinh năm Giáp Tuất, niên hiệu Thái Bình thứ 5 (974), mất năm Tân Mão (991).

3. Triều Tiền Lê

Nhân vua Đinh còn nhỏ tuổi, quyền phụ chính lọt vào tay quan Thập Đạo Lê Hoàn. Lê Hoàn quê ở á Châu, ông sinh năm 941, trước kia phục vụ trong đội quân của Đinh Liễn. Nắm binh quyền trong tay, những hành động chống đối của các cựu thần triều Đinh đều bị Lê Hoàn trấn áp.

Được sự ủng hộ của Dương Thái Hậu, năm 980, Lê Hoàn lên ngôi Hoàng Đế, lập ra triều Lê (Tiền Lê). Sau khi lên ngôi, Lê Hoàn đã tổ chức thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược năm 981. Năm 982, để củng cố cương giới phía Nam, Lê Hoàn thân chinh cầm quân đánh Chăm Pa, buộc Chăm Pa phải thần phục. Triều Tiền Lê tồn tại đến năm 1009 thì chấm dứt.

- Âm mưu xâm lược của nhà Tống đối với Đại Cồ Việt.

Đầu thế kỷ X, nhà Đường suy yếu và sụp đổ, một số dân tộc bị đế quốc Đường xâm lược, thống trị, lợi dụng thời cơ này đã kịp thời nổi lên giành chính quyền. Trong bối cảnh đó, dân tộc ta đã đứng lên tự giải phóng, giành chính quyền vào năm 905.

Nhà Đường mất, cục diện chính trị ở trung nguyên trở nên đại loạn. Trong khoảng 53 năm (907 – 960), các thế lực phong kiến Trung Hoa liên tiếp chống đánh lẫn nhau quyết liệt để tranh quyền bá chủ. Chu Toàn Trung cướp được ngôi nhà Đường lập nên nhà Lương (Hậu Lương); nhà Hậu Đường diệt nhà Hậu Lương rồi kế đó là nhà Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu liên tiếp diệt nhau mà nổi lên. Trong thời kỳ này các tiết độ sứ ở các trấn phía Nam cũng nổi lên cát cứ, lập ra vương quốc riêng. Mười vương quốc lần lượt xuất hiện, trong đó có một số vương quốc xuất hiện với tính chất là giải phóng dân tộc. Sử cũ gọi chung thời kỳ này là thời “Ngũ đại thập quốc” (năm đời mười nước).

Năm 960, Chu thế tông chết, con là Chu Tôn Huấn mới 7 tuổi lên nối ngôi. Nhân cơ hội này, Triệu Khuông Dận lấy cớ đem đạo quân chống Bắc Hán và Khiết Đan rồi bất ngờ quay lại làm binh biến ở Trần Kiều Dịch (phía Bắc Khai Phong 40 dặm). Triệu Khuông Dận cướp ngôi nhà Hậu Chu, tự lập ra triều đại nhà Tống.

Lật đổ nhà Chu, Khuông Dận liền bày kế mời tướng suý các nơi đến dự yến tiệc rồi bức họ phải trao trả ấn tín, binh quyền. Từ đó, nhà nước trung ương tập quyền Tống được thành lập và lịch sử Trung Quốc lại đi vào thời kỳ hợp nhất.

Nhà Tống là một trong những triều đại lớn của chế độ phong kiến Trung Quốc. Nước Tống cũng là một nước lớn, có số dân đông nhất thế giới lúc bấy giờ. Theo sử Tống, riêng số dân ở Kinh sư cũng đã có trên 100 vạn người.

Nhà Tống chiếm một cương vực địa lý rất lớn: phía Bắc giáp nước Liêu (các tỉnh thuộc Đông Bắc Trung Quốc ngày nay) và nước Mông Cổ (gồm cả nội Mông ngày nay); phía Tây Bắc giáp nước Tây Hạ (miền đất Tân Cương ngày nay); phía Tây Nam giáp nước Nam Chiếu (sau đổi thành nước Đại Lý, miền đất Vân Nam bây giờ) và phía Nam giáp Đại Cồ Việt.

Đi theo vết xe của các triều Tần, Hán, Đường, nhà Tống cũng tự coi mình là “thiên triều” có quyền trị bình thiên hạ, thảo phạt và “giáo hóa” Man Di. Khát vọng bành trướng xâm lược của nhà Tống rất lớn. Trong khi còn đánh dẹp các thế lực phong kiến cát cứ như Nam Đường (Giang Tây 975), Ngô Việt (Chiết Giang, 978), Bắc Hán (Sơn Đông, 979), nhà Tống cũng ráo riết chuẩn bị chiến tranh để xâm lược các quốc gia kế cận. Năm 979, chúng tập trung đại binh tiến công nước Liêu ở phía Bắc, đồng thời tiến đánh nước Hạ ở phía Tây và gấp rút chuẩn bị xâm lược nước Đại Cồ Việt ở phía Nam.

Trong lúc nước ta đang đứng trước nguy cơ của một cuộc chiến tranh xâm lược lớn thì Đinh Tiên Hoàng và con trưởng là Đinh Liễn bị viên nội quan là Đỗ Thích giết hại ngay tại hoàng cung. Bọn thám tử nhà Tống biết được tin này, liền cấp báo về nước. Nhà Tống coi đó là thời cơ tốt để xâm lược Đại Cồ Việt.

Hầu Nhân Bảo (quan trấn thủ Quảng Tây) dâng thư lên vua Tống, tâu rằng: “An Nam quận vương và con là Đinh Liễn đều bị giết, nước đã gần mất, có thể nhân lúc này đem quân địa phương đánh lấy được, nếu bỏ lúc này không mưu lấy sợ mất cơ hội. Xin đến cửa khuyết để trình bày trước một tình trạng có thể đánh lấy được”.

Lư Đa Tốn cũng hiến kế: “An Nam nổi loạn, đó là lúc trời làm mất, triều đình ta trong lúc bất ý đem quân đánh úp, tức như nói: sét đánh không kịp bịt tai, nếu gọi Nhân Bảo về thì mưu tiết lộ, họ biết tất sẽ sẵn dựa núi cách biển mà phòng trước, thế ấy được thua chưa thể biết được. Chi bằng giao cho Nhân Bảo vận chở ngay lương thực, nhân sai mưu tính việc ấy, chọn tướng đem quân ở Kinh Hồ 3 vạn người kéo sang đánh, thế ấy là vẹn toàn như bẻ cành khô cây mục, tất nhiên không lo mất một mũi tên”.

Tống Thái Tông liền chấp nhận kế hoạch của Lư Đa Tốn, phong Hầu Nhân Bảo làm “Lục lộ thủy lộ chuyển vận sứ”, tổng chỉ huy đạo quân xâm lược, Tôn Toàn Hưng làm phó, cùng các tướng Trần Khâm Tộ, Lưu Trường, Giả Thực.v.v gấp rút tập trung quân đội, chuẩn bị xâm lược nước ta.

Do đầu óc kiêu căng cố hữu của “thiên triều”, vua Tống Thái Tông tưởng có thể dùng “uy” cũng khuất phục được Đại Cồ Việt. Trước khi hạ lệnh xuất quân xâm lược, vua Tống đã cử sứ giả mang chiếu thư sang ta đe dọa. Tống triều trắng trợn tiếm nhận lãnh thổ của nước ta: “Đời Viêm Hán đã có một cột đồng làm mốc. Đến đời Lý - Đường đã là đất của Trung Quốc”. Chúng hống hách tuyên bố: “Nay thánh triều ta lòng nhân trù muôn nước, cơ nghiệp thái bình kể cũng đã thịnh, điển lễ phân phong đã sắp sửa làm, người (chỉ vua nước ta) phải đến chầu cho mình ta được khoẻ... chớ để ta phải dùng đến kế chặt xác băm xương, làm cỏ nước người, lúc bấy giờ sao kịp nữa”. Trắng trợn tuyên bố xâm lược, nhưng Tống Thái Tông lại cố che giấu bản chất tham tàn của hắn: “dù là biển của người có ngọc châu, ta ném xuống suối, núi của người có sẵn vàng, ta quẳng vào bụi, không phải là ta tham của báu của người”. Cuối chiếu thư, Tống Thái Tông lại thô lỗ đe dọa: “có muốn ra khỏi rợ Di ngoài đảo mà xem nhà Minh Gương Bích Ung không? Có thích trút áo quần cỏ lá mà mặc áo bào cổn thêu núi rồng không? Người có theo không? Chớ rước lấy tội lỗi. Ta đương chuẩn bị xe ngựa quân lính, sắp sửa các thứ chiêng trống, nếu quy phục thì ta tha cho, nếu trái mệnh thì ta quyết đánh. Theo hay không, lành hay dữ, tự người nghĩ lấy”.

- Cuộc kháng chiến của triều đình Lê Hoàn.

Vấn đề củng cố bộ máy lãnh đạo của nước ta vào lúc này để đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược của nhà Tống là một việc làm vừa cấp bách vừa có can hệ đến sự an nguy của cả dân tộc. Thập đạo tướng quân Lê Hoàn được tướng sĩ cùng văn quan trong triều suy tôn lên ngôi vua, đứng đầu quốc gia Đại Cồ Việt vào lúc này đã làm cho bộ máy lãnh đạo quốc gia được củng cố vững mạnh, đủ sức để lãnh đạo dân tộc tiến hành chiến tranh cứu nước thắng lợi.

Thái hậu Dương Vân Nga không đứng về phía Đinh Điền, Nguyễn Bặc để chống lại Lê Hoàn mà còn “sai lấy áo long cổn mặc cho Lê Hoàn, mời Lê Hoàn lên ngôi hoàng đế”; việc làm này của Dương Vân Nga là một hành động yêu nước cao cả đáng được ca ngợi.

Triều Tiền Lê được thiết lập với sự mệnh gấp rút tổ chức, lãnh đạo nhân dân ta tiến hành kháng chiến, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của nhà Tống. Trước khi chiến tranh bùng nổ, Lê Hoàn đã đề ra chính sách để xây dựng, củng cố khối đoàn kết dân tộc, làm cho “trên dưới cùng lòng, lòng dân không chia”, cả nước hợp sức cùng nhau chống giặc Tống xâm lược. Xây dựng thành công khối đoàn kết dân tộc trong lúc này đã khiến cho mọi âm mưu chính trị nhằm chia rẽ nội bộ nước ta của nhà Tống không thể thực hiện, đồng thời còn loại trừ được những hành động chống đối, chia rẽ của một số quan lại thuộc phái bảo hoàng họ Đinh. Chính trị của quốc gia ổn định, vững mạnh; khối đoàn kết dân

tộc được củng cố chính là nền tảng sức mạnh của nước Đại Cồ Việt để chiến thắng quân xâm lược nhà Tống trong cuộc kháng chiến năm 981.

Lê Hoàn lên ngôi Hoàng đế nhưng vẫn nắm 10 đạo quân. Để tăng cường sức mạnh quân sự của quốc gia, Lê Hoàn ra lệnh cho 10 đạo trong cả nước gấp rút trưng tập trai tráng trong đạo bổ sung quân ngũ, tăng cường luyện tập và sẵn sàng chiến đấu.

Quân đội được gấp rút mở rộng, tổng số quân lúc này có thể lên tới 3 đến 5 vạn người. Ngoài ra, tại các đạo còn có lực lượng vũ trang địa phương được xây dựng rộng khắp trong các làng bản.

Thời gian triển khai chuẩn bị trực tiếp cho cuộc kháng chiến tuy rất ngắn nhưng biện pháp đúng đắn để giải quyết các vấn đề có tính chất căn bản về chính trị và quân sự cho một cuộc chiến tranh. Do đó, cuối năm 980, ta đã ở tư thế chuẩn bị sẵn sàng về mọi mặt, chủ động giáng trả bọn xâm lược nhà Tống;

Lê Hoàn đã trực tiếp thống lĩnh đại binh, gồm nhiều đạo quân chủ lực tinh nhuệ, tới khu vực kế cận ải Chi Lăng tổ chức trận đánh mai phục lớn nhằm tiêu diệt đại binh nhà Tống. Tháng 4 – 981, quân Tống theo hai đường thủy bộ ào ạt tiến sang nước ta. Ngay từ đầu, đạo quân bộ đã vấp phải hệ thống thành lũy kiên cố và bị quân địa phương thuộc đạo phía Bắc tiến đánh hết sức quyết liệt. Để dụ đại binh địch tiến sâu vào trận thế của ta, lúc này quân phòng thủ phía trước được lệnh vừa đánh, vừa lui. Thấy quân ta tỏ ra núng thối. Hầu Nhân Bảo liền thúc quân đánh tràn xuống miền Chi Lăng. Tới đây, cuộc chiến đấu giữa ta với địch diễn ra vô cùng ác liệt. Quân Tống bị thương vong rất lớn. Hầu Nhân Bảo cùng hàng vạn quân Tống bị giết tại trận. Quân Tống tan vỡ, liều mạng tháo chạy, nhưng bị quân ta truy kích tiêu diệt gần hết, chỉ còn một số tàn quân vượt biên giới về đất Tống.

Đạo kỳ binh của nhà Tống do Trần Khâm Tộ chỉ huy, tiến quân bằng đường biển, đồng thời với đạo thủy binh Lưu Trường, Giả Thực. Trong khi thủy quân ta đang chặn đánh thủy binh Tống tại vùng biển Đông Bắc thì Trần Khâm Tộ bí mật tiến quân sâu vào vùng Tây Kết (Khoái Châu) hòng tạo nên một đòn đánh hiểm. Lực lượng của đạo kỳ binh này không lớn lắm. Chúng lập tức bị quân và dân địa phương vây đánh quyết liệt. Bởi thế, kỳ binh Tống không những không phát huy được tác dụng mà còn sớm sa vào thế cô lập, tiến lui không được.

Sau khi tiêu diệt được đạo chính binh của Hầu Nhân Bảo, Lê Hoàn liền tung khối quân dự bị chuyển sang vây đánh đạo kỳ binh Tống. Lúc này quân ta ở thế áp đảo. Đạo kỳ binh của Trần Khâm Tộ nhanh chóng bị tiêu diệt. Giặc chết “quá nửa, thân chất đầy đồng”, quân ta “bắt được tướng giặc là Quách Quân Biện, Triệu Phụng Huân đem về Hoa Lư”.

Đạo quân thủy của địch cũng bị trúng kế nhử địch của Lê Hoàn, bị chặn đánh tơi tả ở cửa sông Bạch Đằng.

Khoảng đầu mùa hạ năm 981, chiến sự kết thúc, gần chục vạn quân Tống bị tiêu diệt, bị tan tác trên chiến trường Đại Cồ Việt. Sau thất bại hết sức nặng nề và cay đắng này, vua Tống phải tuyên bố bãi binh, chấm dứt chiến tranh. Song, để giữ được uy danh và tỏ rõ Thiên tử bao giờ cũng “sáng suốt”, vua Tống đã trút tất cả tội lỗi gây ra thua trận lên đầu bọn tướng lĩnh còn sống sót: Lưu Trùng, Giả Thực bị Thiên tử quở trách; Vương Soạn, Tôn Toàn Hưng bị phanh thây ngoài chợ.

Cuộc kháng chiến chống xâm lược Tống diễn ra trên chiến trường phía Bắc đã kết thúc thắng lợi rực rỡ, song nền độc lập tự chủ của quốc gia Đại Cồ Việt vẫn còn bị nguy cơ chiến tranh đe dọa. Để xoá bỏ tận gốc mưu mô gây chiến tranh của địch, phá kế sách hợp tung chiến lược Bắc – Nam vây đánh nước ta hết sức thâm độc của nhà Tống, năm 982, Lê Hoàn lại trực tiếp thống suất đại quân, vượt biển tiến công vào thành Indrapura (thành Đồng Dương), kinh đô của nước Chăm Pa.

Dùng binh bất ngờ, tiến công vũ bão, Lê Hoàn đã nhanh chóng đánh bại quân Chăm, chiếm được thành trì, sau đó rút về nước. Do đó: kế “Dĩ Di trị Di” và cả chiến lược hợp tung quỹ quyết của vua tôi nhà Tống cũng không còn thi thố được.

Chiến tranh giữ nước toàn thắng. Nhân dân Đại Cồ Việt trở lại thời kỳ hoà bình xây dựng đất nước. Cuộc kháng chiến chống Tống năm 981 là một thử thách mới đầu tiên về ý chí tự lập tự cường trong kỷ nguyên độc lập tự chủ của dân tộc ta trước mưu đồ bành trướng xâm lược của các triều đại phong kiến phương Bắc. Bởi thế, thắng lợi của cuộc kháng chiến này không những bảo vệ được nền độc lập của nước nhà mà còn đưa lại cho nhân dân ta niềm tự hào, lòng tin vững chắc ở sức mạnh của mình, cổ vũ mạnh mẽ nhân dân ta trong công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước, đưa nước ta nhanh chóng trở thành một quốc gia văn hiến và cường thịnh. Sử gia Lê Văn Hưu cũng đã nhận xét về chiến thắng này là: “Làm mạnh nước Việt Nam ta và ra uy với người Tống”. Do đó, gần một thế kỷ sau, nhà Tống không dám phát binh đánh ta và buộc phải công nhận nước ta là một vương quốc độc lập.

Diễn biến lịch sử của cuộc kháng chiến còn cho thấy trình độ nghệ thuật quân sự của nước ta lúc này đã có sự phát triển mới, từ nghệ thuật quân sự của chiến tranh giải phóng sang chiến tranh giữ nước. Lê Hoàn, người trực tiếp tổ chức và điều hành chiến tranh đã thể hiện tinh thần tích cực tiến công địch rất cao. Trong cuộc chiến này, kế hoạch tổ chức quân sự cũng như việc xác định kế sách chiến lược, chiến thuật đánh địch của ông thật là kỳ tài. Có thể nói thắng

lợi của cuộc kháng chiến chống Tống năm 981 cũng là thắng lợi của nền nghệ thuật quân sự Đại Cồ Việt. Năm 1300 – Trần Quốc Tuấn đã viết trong lời di chúc: “Thời Đinh – Lê, dùng được người hiền lương, đất phương Nam mới mạnh mà phương Bắc thì mỗi một suy yếu, trên dưới cùng lòng, lòng dân không chia, dựng thành Bình Lỗ, mà phá được quân Tống”.

Sau cuộc phá Tống bình Chiêm thắng lợi, Lê Hoàn bắt tay xây dựng chính quyền quân chủ tập trung.

Cũng như các triều đại trước, Tổ chức của chính quyền tự chủ thời kỳ này còn mô phỏng thiết chế triều đình phong kiến Trung Hoa. Đây là điều dễ hiểu khi mà tổ tiên ta bắt đầu làm quen với việc tự mình quản lý đất nước. Những người đứng đầu nhà nước ngoài việc nhận các chức tước của Hoàng Đế Trung Quốc ban cho, đều tự xưng Đế. Điều đó khẳng định ý chí độc lập dân tộc, thống nhất quốc gia của nhân dân ta. Trong các thời kỳ Đinh - Lê, chính quyền Trung ương được củng cố một bước đáng kể. Các thế lực địa phương bị trấn áp mạnh mẽ. Đến triều Tiền Lê, triều đình đã quản lý một cách chặt chẽ hầu hết lãnh thổ nước ta, từ biên giới Việt- Trung đến Hoành Sơn.

- Thế thứ triều Tiền Lê (981 - 1009)

1. *Lê Hoàn (981 - 1005), Miếu hiệu là Lê Đại Hành. Vua sinh năm Tân Sửu (941), ở Ai Châu, nay thuộc Thanh Hoá và mất vào tháng 3 năm Ất Tỵ (1005)*

2. *Lê Trung Tông (1005); họ, tên : Lê Long Việt, con thứ ba của Lê Hoàn. Vua sinh năm Quý Mùi (983).*

3. *Lê Ngoại Triều (1005 - 1009); họ, tên : Lê Long Đĩnh, lại có tên khác là Lê Chí Trung, con thứ 5 của Lê Hoàn. Vua sinh năm Bính Tuất (986), niên hiệu là Thiên Phúc thứ 7, mất vào tháng 10 năm Kỷ Dậu (1009).*

*

* *

Trước Công nguyên, nước Văn Lang - Âu Lạc mới đang ở trình độ sơ khai, với kết cấu vùng - bộ lạc phân tán, manh mún. Quá trình hình thành quốc gia - dân tộc còn đang dang dở thì bị gián đoạn bởi cuộc xâm lược của Nam Việt. Trải qua hơn ngàn năm Bắc thuộc, mặc dù bị thay thế bởi cơ cấu quận, huyện nhưng mô hình vùng - bộ lạc và chế độ thủ lĩnh vẫn còn đậm nét.

Đến thế kỷ 10, tàn dư của chế độ thủ lĩnh địa phương vẫn còn phổ biến, khi có cơ hội đã trở thành những thế lực chống đối chính quyền Trung ương non trẻ.

Biểu hiện của xu hướng này là các lực lượng cát cứ thời Hậu Ngô Vương, các cuộc ám sát, tranh giành quyền lực thời Đinh - Tiền Lê.

Đặc điểm nổi bật của xã hội Việt Nam thế kỷ 10 là sự tranh giành quyền kiểm soát các làng xã giữa các thế lực cát cứ và chính quyền trung ương. Tình hình đó đã tạo nên sự mất ổn định trong nửa sau thế kỷ 10, dẫn đến sự tồn tại ngắn ngủi của các triều Ngô - Đinh - Tiền Lê. Sau sự khủng hoảng chính trị cuối các triều Ngô, Đinh, đến triều Tiền Lê đã có nhiều nỗ lực để trấn áp các thế lực địa phương. Xu thế tập trung cuối cùng đã chiến thắng, đáp ứng nguyện vọng của dân tộc, xây dựng quốc gia phong kiến thống nhất, tạo tiền đề cho sự ra đời của các triều đại Đại Việt cường thịnh thời Lý - Trần. Cuộc kháng chiến của triều Tiền Lê chống cuộc xâm lược lần thứ nhất của nhà Tống và cuộc bình Chăm Pa giành được thắng lợi trong các năm 981 và 982 đã khẳng định xu thế đó.

CHƯƠNG II: THỜI KỲ CƯỜNG THỊNH CỦA NƯỚC ĐẠI VIỆT

(Nước Đại Việt dưới các triều đại Lý – Trần – Lê sơ)

I. Triều Lý:

1. Tình hình chính trị – xã hội.

Năm 1009, Lê Long Đĩnh chết. Được sự ủng hộ của thế lực Phật giáo và quan lại trong Triều, Lý Công Uẩn lên ngôi, lập ra triều Lý. Lý Công Uẩn sinh ngày 12 tháng 2 năm 974, tại châu Cổ Pháp (Bắc Ninh).

Ngay sau khi lên ngôi, năm 1010, Lý Thái Tổ quyết định dời đô về Hà Nội, đổi tên thành Đại La thành Thăng Long. Từ đó, Thăng Long trở thành trung tâm của đất nước.

Chế độ trung ương tập quyền được củng cố. Đứng đầu là Vua, rồi đến các chức quan cao cấp chia làm chín phẩm. Dưới Vua có các chức tể tướng và á tể tướng. Bên dưới là bộ phận trung khu gồm có 6 bộ chuyên trách. Ngoài ra còn các cơ quan sảnh, viện có chức năng giúp việc. Khu vực hành chính từ trên xuống có Lộ hay Phủ - Huyện rồi đến Hương, Giáp. Quan lại ngoài những người trong hoàng tộc, bắt đầu được tuyển lựa từ khoa cử. Hoạt động lập pháp được đẩy mạnh. Năm 1042, triều Lý ban hành Hình thư, các cơ quan luật pháp cũng được tăng cường (thẩm hình viện).

Quân đội thời Lý gồm hai loại: cấm quân và lộ quân. Nhà nước kiểm soát chặt chẽ vấn đề nhân khẩu. Chế độ “Ngụ binh ư nông” bắt đầu được áp dụng từ thời Lý. Quân đội thời Lý khá mạnh. Trong giai đoạn này, Triều Lý đã lần thứ hai đánh bại cuộc xâm lược của nhà Tống và hai lần tấn công Chiêm Thành thắng lợi vào các năm 1044 và 1069.

Chính quyền quân chủ tập trung được củng cố ngày càng vững chắc. Chúng ta thống kê được khoảng 30 cuộc trấn áp của triều đình trung ương đối với các thủ lĩnh địa phương. Đối các thủ lĩnh người thiểu số, ngoài biện pháp quân sự, triều Lý thi hành chính sách “ràng buộc”, chính sách này đạt hiệu quả tích cực.

Trong thời Lý, Phật giáo khá thịnh. Các vua chúa triều Lý nhiều người sùng bái Phật giáo. Chùa chiền được xây dựng nhiều. Tầng lớp sư sãi khá đông đảo, trở thành đội ngũ trí thức của xã hội. Hệ tư tưởng Phật giáo có ảnh hưởng lớn đến tình hình chính trị, xã hội nước ta thời kỳ đó.

2. Cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077)

Vào nửa sau thế kỷ thứ 11, nhà Tống bị các tộc Khiết Đan và Đảng Hạng xâm lấn ở phía Bắc. Các “biến pháp” của tể tướng Vương An Thạch không thu được kết quả.

Chính trong thời điểm này, triều đình nhà Tống quyết định chấm dứt tình trạng thụ động trong chính sách đối ngoại và bắt đầu tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược, với mục đích vừa để mở rộng lãnh thổ, vừa củng cố uy tín đang bị giảm sút của “Thiên triều”, bằng việc “dạy” cho các nước láng giềng “một bài học”. Vào năm 1069, Vương An Thạch được gọi về triều giữ chức Tể tướng. Ông đề ra và thực hiện một loạt cải cách nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội trong nước, tổ chức lại quân đội. Vua Tống và Vương An Thạch chủ trương trong một thời gian ngắn nhất phải giành được chiến thắng đối với “các chư hầu phương Nam”, tức là đối với Đại Việt. Theo họ, một thắng lợi như vậy sẽ làm cho các nước Liêu, Tây Hạ – một mối nguy hiểm lớn ở phía bắc – phải khiếp sợ. Vì thế, nhà Tống tăng cường lực lượng vũ trang ở các tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây. Tham vọng xâm lược của nhà Tống ngày một nung nấu hơn. Các quan cai trị ở miền nam Trung Quốc thường báo cáo lên triều đình xuyên tạc tình hình thực tế. Như sau thắng lợi của Đại Việt đối với Chăm-pa vào năm 1069, một viên quan ở Quế Châu là Phan Bội báo cáo lên vua Tống: “Giao Châu bị đại bại ở Chăm-pa, quân không còn đến một vạn, lúc này có thể lấy được”.

Năm 1071, Tiêu Chủ, kẻ chủ trương tiến hành các chính sách cứng rắn đối với Đại Việt được bổ nhiệm cai quản Quế Châu. Ngay từ năm 1053, y đã tham gia việc đàn áp Nùng Trí Cao. Tiêu Chủ thông qua các bộ tộc sống ở vùng giáp giới, tích cực do thám tình hình Đại Việt, biết rõ thắng lợi của Đại Việt trong cuộc tiến quân vào phía nam và sức mạnh thực tế của đất nước này. Vì thế, y báo cáo lên vua Tống nếu chưa có sự chuẩn bị đầy đủ mà đã xuất quân là rất nguy hiểm. Giữa lúc đó, vào năm 1072, Lý Thánh Tông mất, người kế vị ngai vàng là Lý Nhân Tông mới sáu tuổi. Trong triều đình xuất hiện sự tranh giành quyền lực quyết liệt. Hoàng thái phi Ý Lan – mẹ Lý Nhân Tông giết Thái hậu Thượng Dương. Giữa hai nhóm quan đại thần, đứng đầu là Lý Thường Kiệt và Lý Đạo Thành, cũng có nhiều mâu thuẫn. Sau những sự kiện này, ở triều đình nhà Tống khuynh hướng cần thiết phải mở cuộc tiến quân xuống phía nam đã thắng thế. Vua Tống thay Tiêu Chủ vốn rất thận trọng bằng một viên quan khác là Thẩm Khởi, kẻ trong các báo cáo gửi lên triều đình thường cố gắng hạ thấp Đại Việt và che giấu những khó khăn nảy sinh trong quá trình chuẩn bị cuộc tiến quân xuống phía nam. Viên quan mới này tích cực động viên, huấn luyện binh lính, trưng thu lương thực phục vụ mục đích chiến tranh. Nhằm che giấu việc chuẩn bị chiến tranh, theo lệnh của y, vào năm 1073, việc buôn bán qua biên giới bị đình chỉ. Thẩm Khởi bằng cách mua chuộc và ban chức tước, lôi kéo các

từ trường miền núi về phía nhà Tống, kêu gọi họ cùng với bà con của mình liên minh với nhà Tống. Chính sách này có hiệu quả nhất định. Thủ lĩnh Nguyễn Thiên Mỹ quy phục nhà Tống, do đó, Đại Việt bị mất một phần lãnh thổ của mình ở phía đông bắc. Cần lưu ý rằng, triều đình Đại Việt cũng áp dụng chính sách giống như vậy đối với các tộc người miền núi sống trên lãnh thổ Trung Quốc nhưng không loại bỏ việc xâm chiếm bằng lực lượng vũ trang lãnh thổ của các bộ tộc không thực lòng liên minh với Đại Việt. Như vào năm 1074, Tiêu Chủ tâu lên vua Thần Tông việc một châu bị chiếm mất.

Giữa lúc đó, tình hình ở vùng biên giới phía bắc nước Tống trở nên căng thẳng. Nước Liêu đe dọa xâm lược, đòi phải cắt cho một phần đất mới. Vua Tống buộc phải điều toàn bộ binh lính mới tuyển lên phía bắc. Vì vậy, Thẩm Khởi lúc này đang xúc tiến chuẩn bị cuộc chiến tranh với phương nam, bất đắc dĩ bị gọi về triều đình, vì sợ Đại Việt trả thù. Thẩm Khởi bị bãi chức. Một viên quan khác là Lưu Di được cử thay thế, có nhiệm vụ hòa hoãn quan hệ với các “chư hầu”. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là cuộc tấn công xuống phía nam bị bãi bỏ, mà theo nhà Tống, thời điểm này chưa thích hợp.

Vào đầu năm 1075, nhà Tống cắt một phần lãnh thổ ở phía bắc cho nước Liêu, cuộc xung đột giữa nhà Tống và Liêu tạm chấm dứt. Một lần nữa, nhà Tống lại nhòm ngó xuống phía nam. Lưu Di được lệnh tăng cường quân đội và đình chỉ việc buôn bán qua biên giới.

Trong triều đình Lý, phái của Lý Thường Kiệt – người nắm gần như toàn bộ quyền hành trong nước thắng thế. Đại Việt chú ý theo dõi các chính sách của nhà Tống và nắm vững được tình hình ở các tỉnh miền nam Trung Quốc.

Lý Thường Kiệt biết rõ cuộc xâm lược của nhà Tống là không tránh khỏi, đồng thời ông cũng nhận thấy lúc này người Tống chưa sẵn sàng phát động chiến tranh, lực lượng vũ trang của họ ở phía nam cũng mới chỉ ở giai đoạn chuẩn bị bước đầu. Ngoài ra, một nhà nho ở tỉnh Quảng Tây bất mãn với chính quyền nhà Tống, đã gửi tới triều đình Đại Việt một bức thư, thông báo về việc chuẩn bị xâm lược của nhà Tống, khuyên nên đánh đòn phủ đầu, cũng như sẽ giúp đỡ khi quân đội Đại Việt tiến vào đất Tống. Toàn bộ tình hình này khiến Lý Thường Kiệt thấy cần phải đánh một đòn mạnh vào các tỉnh phía nam Trung Quốc. Dự định của Lý Thường Kiệt được Hoàng thái hậu Ý Lan và quần thần ủng hộ. Lý Thường Kiệt bắt đầu tập trung quân lên biên giới. Đồng thời, Đại Việt cũng gây áp lực về ngoại giao với nhà Tống, đòi trả Thiên Mỹ và những vùng đất đai bị chiếm. Điều này được lợi dụng như một cái cớ để Đại Việt tấn công vào đất Tống. Các xung đột nhỏ ở vùng giáp giới ngày một tăng lên. Tất cả những diễn biến đó không phải người Tống không thấy. Quan cai trị các tỉnh